

ĐÁNH GIÁ SỰ HÀI LÒNG CỦA THÀNH VIÊN ĐỐI VỚI HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP CỦA TỈNH VĨNH LONG

● **DƯƠNG NGỌC THÀNH**

TÓM TẮT:

Mục tiêu chính của nghiên cứu nhằm đánh giá thực trạng, sự hài lòng của thành viên tham gia hợp tác xã đối với các hoạt động của hợp tác xã nông nghiệp. Nguồn số liệu được sử dụng trong đề tài bao gồm số liệu thứ cấp, số liệu sơ cấp từ việc điều tra trực tiếp 250 thành viên đang tham gia hợp tác xã nông nghiệp (HTXNN) trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long. Qua kiểm định tính phù hợp các thang đo, phân tích nhân tố khám phá (EFA), kết quả phân tích đã điều chỉnh, gom thành 8 nhân tố chính kết hợp với các đặt điểm thành viên để đưa vào phân tích mô hình hồi quy đa biến. Kết quả mô hình hồi quy có 8 nhân tố/biến ảnh hưởng sự hài lòng chung của thành viên đối với HTXNN, bao gồm: cán bộ quản lý (F1), cơ hội cải thiện thu nhập và việc làm (F2), mức độ tham gia của thành viên (F4), các lợi thế của hợp tác xã về thị trường (F5), hỗ trợ nhà nước (F6), cùng giải quyết khó khăn (F8), tham gia tập huấn (X3) và kinh nghiệm sản xuất (X5) tác động khác biệt thống kê mức độ 1%.

Từ khóa: hợp tác xã nông nghiệp, thành viên hợp tác xã nông nghiệp, phân tích nhân tố khám phá (EFA), sự hài lòng.

1. Đặt vấn đề

Qua các cuộc Đại hội Đảng toàn quốc, Ban Chấp hành Trung ương Đảng luôn đánh giá và nhận định, tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể với sự vào cuộc nghiêm túc, trách nhiệm của các cấp ủy Đảng, chính quyền, đoàn thể các cấp từ trung ương đến địa phương. Khu vực kinh tế tập thể, nòng cốt là hợp tác xã đã có bước phát triển cả về số lượng, chất lượng, vượt qua tình trạng yếu kém kéo dài. Do vậy, phát triển kinh tế hợp tác mà nòng cốt là hợp tác xã nông nghiệp (HTXNN). Đây là một trong những chủ trương mang tính chiến lược của Đảng và Nhà nước ta để

phát triển nông nghiệp theo định hướng công nghiệp hóa và hiện đại hóa.

Mô hình HTXNN kiểu mới được xem là một giải pháp then chốt về mặt thể chế tổ chức nhằm phát triển kinh tế hợp tác và liên kết trong nông nghiệp. Nằm trong bối cảnh chung của cả nước cũng như của ĐBSCL, quá trình hình thành và phát triển HTXNN ở Vĩnh Long cũng trải qua nhiều thăng trầm nhưng luôn được sự quan tâm của ngành Nông nghiệp nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế nông nghiệp.

Xuất phát từ những vấn đề nêu trên, nghiên cứu “Đánh giá sự hài lòng của thành viên đối với

Hợp tác xã nông nghiệp tỉnh Vĩnh Long” được thực hiện nhằm đo lường các yếu tố tác động và mức độ hài lòng của thành viên đối với HTXNN ở tỉnh Vĩnh Long. Với kỳ vọng sẽ giúp cho hoạt động của HTXNN hoạt động hiệu quả hơn từ các đánh giá của thành viên trong các giai đoạn tiếp theo.

2. Cơ sở lý thuyết và quy trình nghiên cứu

2.1. Mô hình nghiên cứu

Dựa trên nghiên cứu của Kovach (1987), thang đo các yếu tố đánh giá sự hài lòng của thành viên đối với HTXNN của tác giả Phan Thị Thanh Trúc (2019) và nghiên cứu về mức độ tham gia của Phạm Duy Khanh (2020), Trương Thanh Thảo (2019) đồng thời kết hợp với kết quả khảo sát định tính các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của thành viên đối với HTXNN. Tác giả đã chọn ra 9 nhân tố có kết quả tốt nhất từ các nghiên cứu trước để áp dụng vào mô hình nghiên cứu này: (1) Sự tin cậy bên trong HTX, (2) Sự tin cậy bên ngoài HTX, (3) Mức độ tham gia HTX, (4) Chính sách sách hỗ trợ của nhà nước đối với HTX, (5) Hiệu quả do tính quy mô HTX, (6) Hoạt động của ban giám đốc HTX, (7) Lợi ích thành viên tham gia HTX, (8) Cải thiện vấn đề thu nhập và việc làm, và (9) Mức độ hài lòng chung về HTX.

2.2. Quy trình nghiên cứu

Trong nghiên cứu này, tác giả sử dụng phương

pháp nghiên cứu hỗn hợp, bao gồm: phương pháp nghiên cứu định tính và nghiên cứu định lượng được thể hiện qua quy trình nghiên cứu (Hình 1).

3. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Phương pháp thu thập thông tin

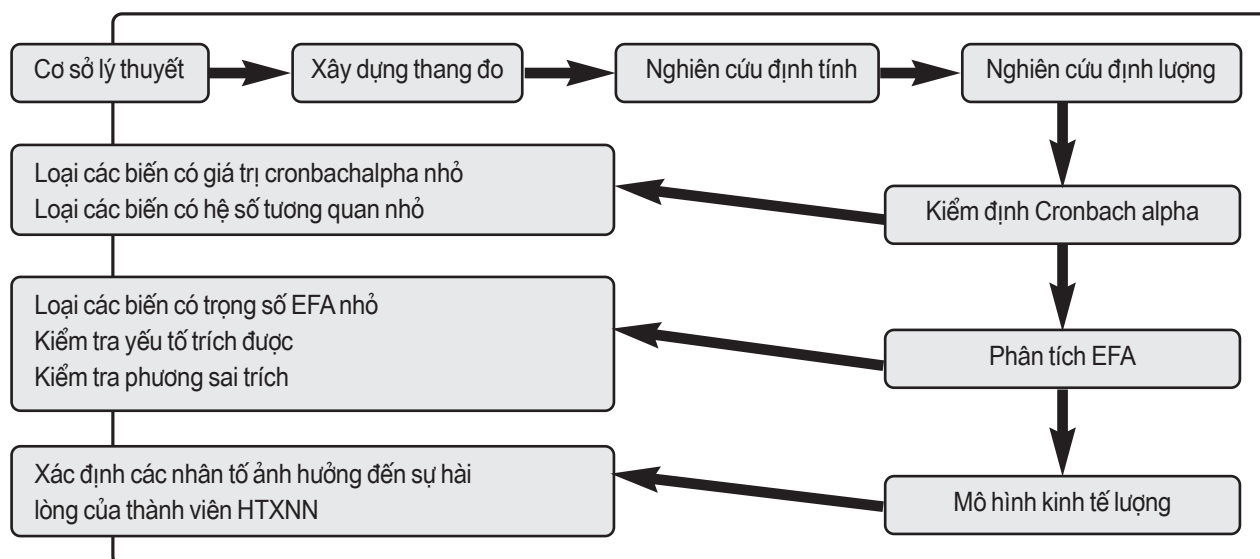
- *Phương pháp định tính:* Dùng để khám phá, hiệu chỉnh và bổ sung các thang đo, từ ngữ thang đo gốc dự kiến ban đầu từ 3 cuộc thảo luận nhóm thành viên HTXNN, nhằm hoàn chỉnh cho thật dễ hiểu với đối tượng nghiên cứu. Trong bước này, tác giả đã xây dựng bảng phỏng vấn gồm các câu hỏi mở để thu thập thêm các biến thích hợp từ 10 ban quản lý HTXNN.

- *Phương pháp định lượng:* Trong nghiên cứu này mẫu được chọn theo phương pháp lấy mẫu thuận tiện phân tầng theo loại HTXNN tại địa phương. Đối tượng khảo sát là các nhà quản lý/điều hành dự án và thành viên tham gia các HTXNN trên địa bàn nghiên cứu tỉnh Vĩnh Long.

Theo Hair và cộng sự (2014), tỷ lệ quan sát/biến đo lường tối thiểu là 5:1. Nghiên cứu có 50 biến đo lường nên số mẫu sẽ là $5 \times 50 = 250$. Số mẫu khảo sát được phân bổ (65 HTXNN khá/tốt; 120 HTXNN trung bình và 65 HTXNN yếu/kém).

Bảng câu hỏi sử dụng thang đo dạng Likert 5 điểm được sử dụng: 1. Hoàn toàn không đồng ý; 2. Không đồng ý; 3. Bình thường; 4. Đồng ý; 5. Hoàn toàn đồng ý.

Hình 1: Quy trình nghiên cứu định tính và nghiên cứu định lượng



Nguồn: Tổng hợp của tác giả, 2021

3.2. Xây dựng thang đo sự hài lòng của thành viên về HTXNN

Các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của thành viên đối với HTXNN tỉnh Vĩnh Long được đo lường thông qua 9 thành phần đó là:

- *Sự tin cậy bên trong HTX*: bao gồm 7 biến quan sát (TCT1,... TCT7)
- *Sự tin cậy bên ngoài HTX*: bao gồm 5 biến quan sát (TCN1,... TCN5)
- *Mức độ tham gia HTX*: bao gồm 6 biến quan sát (MTG1,..., MTG6)
- *Chính sách hỗ trợ của nhà nước đối với HTX*: bao gồm 5 biến quan sát (CSH1,... CSH5)
- *Hiệu quả do tính qui mô HTX*: bao gồm 3 biến quan sát (HQH1,... HQH3)
- *Hoạt động của ban chủ nhiệm HTX*: bao gồm 7 biến quan sát (HDC1,... HDC7)
- *Lợi ích thành viên tham gia HTX*: bao gồm 8 biến quan sát (LIT,... LIT8)
- *Cải thiện vấn đề thu nhập và việc làm*: bao gồm 5 biến quan sát (CTT1,... CTT5)
- *Mức độ hài lòng chung về HTX*: bao gồm 4 biến quan sát (HLC1,... HLC4)

3.3. Phương pháp phân tích

Sau khi thu thập đầy đủ các bản câu hỏi phỏng vấn định lượng, các bản phỏng vấn được xem xét và loại đi những bản phỏng vấn không đạt yêu cầu cho nghiên cứu. Các bản câu hỏi đạt yêu cầu sẽ được mã hóa, nhập liệu và làm sạch bằng phần mềm SPSS 20.

Dữ liệu thu được xem xét và loại đi những câu hỏi phỏng vấn không đạt yêu cầu cho nghiên cứu, sau đó được xử lý thông qua các công cụ phân tích thống kê thông dụng như: thống kê mô tả, bảng tần số, phân tích nhân tố khám phá EFA, kiểm tra độ tin cậy thang đo qua hệ số Cronbach's alpha, phân tích hồi quy đa biến và các phân tích khác (T-test, ANOVA),... và kết quả thu được sử dụng để viết báo cáo nghiên cứu.

4. Kết quả nghiên cứu**4.1. Đặc điểm thành viên hợp tác xã nông nghiệp tỉnh Vĩnh Long**

Độ tuổi: Thực tế cho thấy, những thành viên tham gia vào HTXNN chủ yếu là lớn tuổi, những thành viên trẻ tuổi rất thấp, độ tuổi 35-55 chiếm 66,1%, dưới 35 tuổi là rất ít chiếm 6,5% và trên 55 tuổi là 27,4%. Điều này cho thấy, độ tuổi cũng ảnh

hưởng đến việc tiếp cận và ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp.

Trình độ học vấn của thành viên HTXNN: Tập trung nhiều từ cấp 1 đến cấp 3, trình độ học vấn cao nhất của thành viên HTXNN là cao đẳng. Cụ thể như HTXNN khá/tốt trình độ học vấn của thành viên cấp 1 (26%), cấp 2 (43,7%), cấp 3 (27%) và cao đẳng (3,3%). Ở HTXNN loại trung bình trình độ học vấn của thành viên phân bố cấp 1 (27,5%), cấp 1 (48,7%), cấp 3 (20,7%) và cao đẳng (3,1%). Thành viên HTXNN loại yếu trình độ học vấn của thành viên phân bố ở cấp 1 (39,2%), cấp 2 (42,4%) và cấp 3 (18,4%).

Kinh nghiệm sản xuất trong nông nghiệp của thành viên HTXNN: Tập trung nhiều từ 11 năm đến 25 năm, HTXNN khá/tốt thành viên có kinh nghiệm trên 25 năm (28,2%) cao hơn so với 2 nhóm HTXNN trung bình và HTXNN yếu lần lượt là 14,6% và 15,0%. HTXNN có kinh nghiệm càng cao thì hoạt động của HTX càng tốt. Kinh nghiệm sản xuất trong nông nghiệp của thành viên HTXNN là một trong những yếu tố có mối tương quan đến hoạt động của HTXNN.

Tham gia các lớp tập huấn: Có thể nói, HTXNN đang được tỉnh Vĩnh Long trang bị những kiến thức cơ bản về khoa học kỹ thuật của thành viên HTXNN. Kết quả nghiên cứu cho thấy HTXNN của cả 3 loại đều có sự tham gia tham gia tập huấn khoa học kỹ thuật trên 85%. Riêng HTXNN khá/tốt tham gia đến 97% chỉ có 3% là không tham gia. HTXNN trung bình tham gia 92%, không tham gia 8% và HTXNN yếu tham gia 87%, không tham gia là 13%.

4.2. Đánh giá tác động của các nhân tố đến mức độ hài lòng của thành viên đối với HTXNN

Kết quả kiểm định Cronbach's alpha cho thấy hầu hết các thang đo của các thành phần đều đạt được thỏa mãn yêu cầu về độ tin cậy cao. Ngoại trừ các biến TCT7, TCN5, MTG1, MTG2, CSH1, CSH3, LIT5 và CTT4 không đạt yêu cầu và bị loại, tất cả 38 biến còn lại được sử dụng để đánh giá bằng phân tích nhân tố khám phá EFA.

Do sự đo lường cùng một lúc của các biến quan sát đến các thành phần một cách khá chặt. Như vậy, sau khi loại các biến không đạt yêu cầu qua 3 lần phân tích EFA, thang đo sự hài lòng của thành viên đối với HTXNN đã thỏa mãn.

Kết quả kiểm định KMO=0,831 (>0,5) cho thấy dữ liệu rất thích hợp cho việc sử dụng phân tích mô hình hồi quy nhân tố và giá trị Sig =0,000 cho thấy phân tích nhân tố phù hợp với dữ liệu. Kết quả phân tích khám phá EFA đã gom nhóm thành 8 nhân tố (Bảng 1).

Như vậy, sau khi đánh giá sơ bộ thang đo về sự hài lòng của thành viên đối với HTXNN có 30 biến quan sát đo lường cho 8 thành phần được sử dụng trong mô hình nghiên cứu với 8 nhân tố gom nhóm rút gọn. Số nhân tố và thành phần được điều chỉnh cụ thể (Bảng 2).

Bảng 1. Kết quả EFA phân tích lần 3 sau khi loại bỏ các biến đo lường, kiểm định không phù hợp

Biến quan sát	Yếu tố							
	F1	F2	F3	F4	F5	F6	F7	F8
HQH3	0,754							
HDC2	0,746							
HDC1	0,733							
TCT2	0,727							
HDC5	0,675							
HDC4	0,622							
HDC6	0,546							
LIT4		0,817						
LIT3		0,785						
CTT2		0,727						
LIT5		0,676						
CSH5		0,544						
MTG5			0,820					
CSH1			0,746					
TCN2			0,740					
TCN3			0,728					
MTG2			0,695					
MTG2				0,768				
MTG4				0,644				
MTG3				0,633				
LIT7					0,786			
LIT8					0,669			
HLC1					0,567			
CSH3						0,789		
CSH4						0,656		
HQH2						0,552		
TCN1							0,878	
TCN2							0,765	

Biến quan sát	Yếu tố							
	F1	F2	F3	F4	F5	F6	F7	F8
TCT6								0,796
TCT4								0,661
Eigenvalues	6,782	3,785	2,576	1,761	1,654	1,345	1,153	1,151
Phương sai trích	14,238	12,235	11,853	7,674	7,306	6,420	5,823	4,932

Bảng 2. Tên các nhân tố tổng hợp sau khi phân tích khám phá (EFA)

STT	Nhân tố	Yếu tố quyết định						
1	Cán bộ quản lý (F1)	HQH3	HDC2	HDC1	TCT2	HDC5	HDC4	HDC6
2	Cơ hội cải thiện thu nhập và việc làm (F2)	LIT4	LIT3	CTT2	LIT5	CSH5		
3	Hỗ trợ bên ngoài (F3)	MTG5	CSH1	TCN2	TCN3	MTG2		
4	Mức độ tham gia (F4)	MTG2	MTG4	MTG3				
5	Các lợi thế của HTX về thị trường (F5)	LIT7	LIT8	HLC1				
6	Hỗ trợ nhà nước (F6)	CSH3	CSH4	HQH2				
7	Đối tác (F7)	TCN1	TCN2					
8	Cùng giải quyết khó khăn (F8)	TCT6	TCT4					
9	Mức độ hài lòng chung (HL)	HLC1	HLC2	HLC3	HLC4			

Ghi chú: TCT: Sự tin cậy bên trong HTX; TCN: Sự tin cậy bên ngoài HTX; MTG: Mức độ tham gia HTX; CSH: Chính sách hỗ trợ của nhà nước đối với HTX; HQH: Hiệu quả hoạt HTX; HDC: Hoạt động của hội đồng quản trị HTX; LIT: Lợi ích tham gia HTX của thành viên; CTT: Cải thiện thu nhập và việc làm thành viên; HL: Sự hài lòng của thành viên HTX. 4.3. Mô hình hồi quy sự hài lòng của thành viên tham gia HTXNN

Nguồn: Số liệu điều tra 250 thành viên HTXNN tỉnh Vĩnh Long năm 2021

Trong đó nhân tố; F1: Cán bộ quản lý; F2: Cơ hội cải thiện thu nhập và việc làm; F3: Hỗ trợ bên ngoài; F4: Mức độ tham gia; F5: Các lợi thế của HTX về thị trường; F6: Hỗ trợ nhà nước; F7: Đối tác, và F8: Cùng giải quyết khó khăn.

4.3.1. Mô hình phân tích sự hài lòng của thành viên HTXNN

Để đánh giá tác động của các nhân tố đến mức độ hài lòng chung, mô Hình 3.1 trong Chương 3 là mô hình xây dựng cơ bản lý thuyết ban đầu, sau khi phân tích mô hình được điều chỉnh thành mô hình có dạng.

$$HL = \beta_0 + \beta_1 F_1 + \beta_2 F_2 + \beta_3 F_3 + \beta_4 F_4 + \beta_5 F_5 + \beta_6 F_6 + \beta_7 F_7 + \beta_8 F_8 + \delta_1 X_1 + \delta_2 X_2 + \delta_3 X_3 + \delta_4 X_4 + \delta_5 X_5 + \varepsilon$$

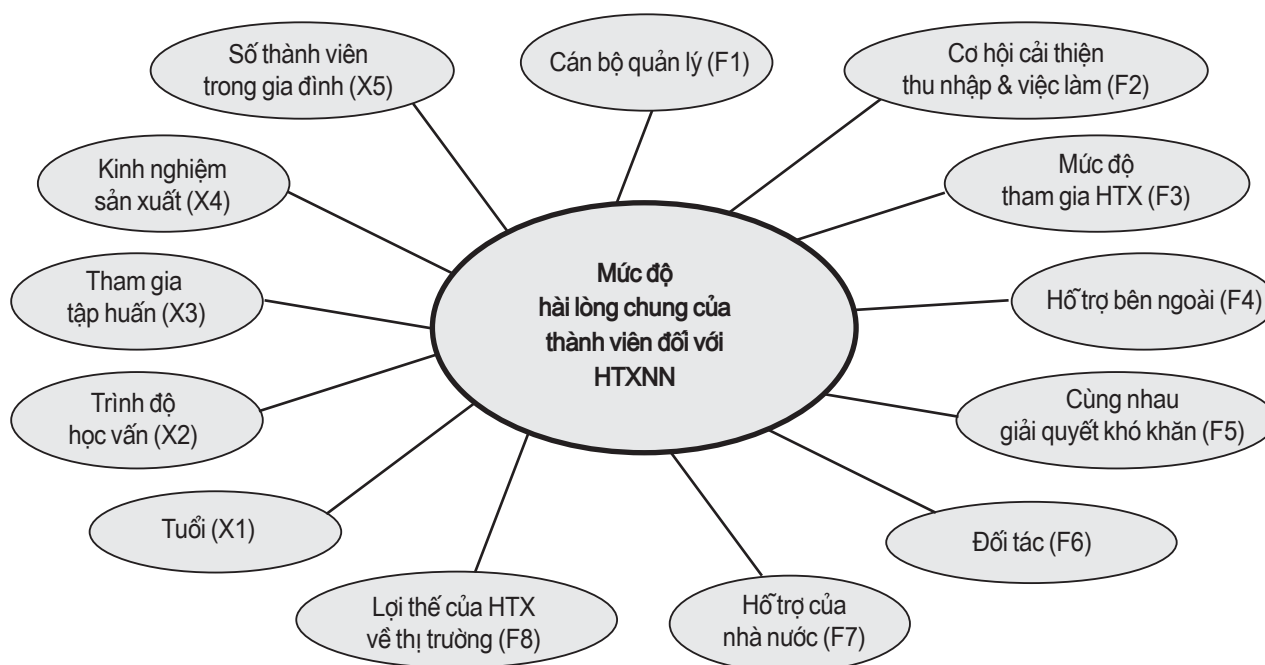
Từ các khái niệm nghiên cứu và giả thiết nghiên cứu được điều chỉnh, mô hình nghiên cứu của đề tài được thể hiện Hình 2.

4.3.2. Mô hình hồi quy sự hài lòng

Kết quả Bảng 3 mô hình hồi quy về sự hài lòng chung của thành viên tham gia HTXNN. Với giá trị F= 14,87 và Sig.=0,000 đã nói lên mô hình hồi quy có tác động ý nghĩa đến biến phụ thuộc (HL). Giá trị phóng đại phương sai (VIF) < 6 nói lên mô hình không bị đa cộng tuyến, giá trị Durbin-Watson = 1,868 thì mô hình không bị tự tương quan.

Với hệ số xác định (hệ số giải thích mô hình) hiệu chỉnh R²_{adj} = 0,787, nghĩa là 78,7% biến sự hài lòng chung (HL) được giải thích bởi các nhân

Hình 2: Mô hình phân tích sự hài lòng của thành viên sau hiệu chỉnh



tổ/biến trong mô hình hồi quy. Mô hình hồi quy có 6 nhân tố ảnh hưởng khác biệt 1% - 5%, bao gồm các nhân tố: cán bộ quản lý (F1), cơ hội cải thiện thu nhập và việc làm (F2), mức độ tham gia (F4), các lợi thế của HTX về thị trường (F5), hỗ trợ nhà nước (F6) và cùng giải quyết khó khăn (F8). Có 2 biến về đặc điểm của thành viên tham gia HTXNN có ảnh hưởng đến sự hài lòng chung là tham gia tập huấn (X3) và kinh nghiệm sản xuất (X5) tác động khác biệt 1%. Ngoài ra, có 2 nhân tố/biến hỗ trợ bên ngoài (F3) và trình độ học vấn (X2) có tác động khác biệt 10% đến sự hài lòng chung của thành viên tham gia HTXNN.

4.3.3. Mức độ tác động đến sự hài lòng của thành viên

Bảng 4 mô tả của các nhân tố/yếu tố ảnh hưởng đến mức độ (%) hài lòng của thành viên đối với HTXNN. Trong đó F8 (cùng giải quyết khó khăn) ảnh hưởng 27,08%, F4 (mức độ tham gia) là 22,33%, F6 (hỗ trợ nhà nước) quyết định 21,85%. Các nhân tố/yếu tố X2, F5, F2, F1 và X3 tác động 3,33% đến 9,74%.

4.3.2. Những nhận định và giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động HTXNN

Từ những thông tin thứ cấp, nhận định của các chuyên gia, lãnh đạo địa phương, những thuận lợi,

khó khăn cũng như nguyên nhân của các HTXNN tỉnh Vĩnh Long, kết hợp kết quả phân tích về sự hài lòng chung của thành viên trong HTXNN trên địa bàn nghiên cứu.

Sự tin cậy bên trong của HTXNN được các thành viên đánh giá rất cao, đặc biệt là sự tin tưởng vào ban quản trị. Phần lớn những thành viên tham gia HTXNN đều cho rằng khả năng tiếp cận thị trường của họ đều tăng. Tuy nhiên, việc hỗ trợ của đối tác đối với thành viên và HTXNN khi họ gặp khó khăn chưa được đánh giá cao; Nhà nước vẫn là chỗ dựa kinh tế và tinh thần cho các thành viên HTXNN.

Tính tự nguyện của thành viên khi tham gia vào HTXNN được đánh giá cao. Hầu hết thành viên cho rằng khi tham gia HTXNN sẽ nâng cao được khả năng tiếp cận thông tin, tăng khả năng tiêu thụ và nhận được những dịch vụ cần thiết cho sản xuất và tiêu thụ, song việc vay vốn ngân hàng cũng như chuyển giao công nghệ còn hạn chế và bị đánh giá thấp.

Đánh giá của thành viên trong việc cung cấp các dịch vụ về thông tin thị trường của Nhà nước cao hơn so với các hỗ trợ khác như đất đai, vốn, khi bị mất mùa hay hỗ trợ về giá cả.

Từ kết quả nghiên cứu, phân tích. Đề tài đã đề

Bảng 3. Mô hình hồi quy sự hài lòng chung của thành viên tham gia HTXNN

Mô hình	Hệ số hồi quy chưa chuẩn hóa		Hệ số hồi quy chuẩn hóa	Giá trị t	Xác suất khác biệt (α)	VIF
	B	Sai số chuẩn				
(Constant)	3,319	0,276		12,018	0,000	
Cán bộ quản lý (F1)	0,226	0,045	0,031	5,022	0,000	1,196
Cơ hội cải thiện thu nhập và việc làm (F2)	0,201	0,043	0,021	4,674	0,000	1,077
Hỗ trợ bên ngoài (F3)	0,084	0,048	0,013	1,750	0,084	1,348
Mức độ tham gia (F4)	0,328	0,044	0,094	7,455	0,000	1,120
Các lợi thế của HTX về thị trường (F5)	0,223	0,091	0,014	2,451	0,021	1,116
Hỗ trợ nhà nước (F6)	0,249	0,033	0,092	7,545	0,000	1,254
Đối tác (F7)	0,054	0,041	0,011	1,317	0,112	2,439
Cùng giải quyết khó khăn (F8)	0,294	0,091	0,114	3,231	0,015	1,157
Tuổi (X1)	-0,013	0,034	-0,007	-0,382	0,712	1,252
Trình độ học vấn (X2)	0,124	0,071	0,012	1,746	0,083	1,642
Tham gia tập huấn (X3)	0,085	0,04	0,014	2,125	0,033	1,719
Kinh nghiệm sản xuất (X4)	0,194	0,091	0,041	2,132	0,043	1,157
Số thành viên trong gia đình (X5)	0,115	0,088	0,010	1,307	0,231	1,082
Giá trị F = 14,87 Sig. = 0,000 R ² = 0,801 R ² _{adj} = 0,787 Durbin-Watson = 1,868						

Bảng 4. Phần trăm tác động đến sự hài lòng của thành viên tham gia HTXNN

Nhân tố tác động	Hệ số chuẩn hóa	% tác động
Cán bộ quản lý (F1)	0,031	7,36
Cơ hội cải thiện thu nhập và việc làm (F2)	0,021	4,99
Mức độ tham gia (F4)	0,094	22,33
Các lợi thế của HTX về thị trường (F5)	0,014	3,33
Hỗ trợ nhà nước (F6)	0,092	21,85
Cùng giải quyết khó khăn (F8)	0,114	27,08
Tham gia tập huấn (X2)	0,014	3,33
Kinh nghiệm sản xuất (X3)	0,041	9,74

xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động và sự hài lòng của thành viên HTXNN trên địa bàn nghiên cứu tỉnh Vĩnh Long.

➤ **Nâng cao năng lực ban quản trị HTXNN:** Ban quản trị HTXNN được đánh giá rất cao trong việc tạo lòng tin cho thành viên và quản lý điều hành

các hoạt động của HTXNN. Do đó, nâng cao trình độ và kỹ năng quản lý, điều hành HTXNN là cần thiết đối với Ban quản lý HTXNN. Cụ thể, người được bầu vào ban quản lý phải có tâm huyết với HTXNN, có trình độ và kỹ năng thích hợp và thường xuyên được nâng cao kỹ năng quản trị điều hành HTXNN thông qua các lớp đào tạo ngắn hạn do liên minh HTXNN tổ chức.

➤ Tạo cơ hội việc làm cho lao động địa phương: Nhà nước nên khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho việc thành lập và phát triển các HTXNN, kể cả áp dụng các biện pháp nhằm hỗ trợ người nghèo địa phương hay những nhóm yếu thế, bao gồm phụ nữ, người tàn tật, người già, tham gia đầy đủ trên cơ sở tự nguyện vào các HTXNN và để giải quyết các nhu cầu dịch vụ xã hội.

➤ Nâng cao khả năng đáp ứng nhu cầu của thành viên HTXNN: Tạo động lực cho các đối tượng tham gia vào HTXNN đòi hỏi HTXNN phải đáp ứng được các nhu cầu của họ. Đối với những

người tham gia HTXNN, mong muốn của họ là được giải quyết đầu ra cho sản phẩm, xem HTXNN là cầu nối thông tin giữa thành viên với thị trường, từ đó người dân có thể tiếp cận được một cách dễ dàng.

➤ Tăng cường sự hỗ trợ của nhà nước và cấp ủy địa phương: Cần có sự hỗ trợ tích cực của nhà nước về các mặt: Tạo khuôn khổ luật pháp; hỗ trợ, xây dựng cơ sở hạ tầng ở nông thôn nhất là đường giao thông. Tuyên truyền khuyến khích, quảng bá cho các HTXNN, hỗ trợ về vốn, đất đai, thị trường.

➤ Nâng cao sự tương trợ, gắn kết trong nội bộ HTXNN: Tạo môi trường thông tin tương tác giữa các thành viên với nhau và giữa thành viên với ban quản lý để nâng cao sự thấu hiểu và niềm tin giữa mọi người trong cùng HTXNN. Nâng cao mối quan hệ xã hội của thành viên với nhau bằng cách tổ chức các cuộc gặp mặt, trao đổi, đánh giá kết quả hoạt động sản xuất của HTXNN; thông qua đó mọi người giúp đỡ lẫn nhau phát triển ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Chi cục PTNT tỉnh Vĩnh Long (2020). *Báo cáo tổng hợp kết quả đào tạo, bồi dưỡng HTXNN trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2017 - 2020*.
2. Chính phủ (2018). *Quyết định về đề án phát triển 15.000 HTXNN, Liên hiệp HTXNN hoạt động có hiệu quả đến năm 2020*.
3. Chính phủ (2020). *Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể*.
4. Dương Ngọc Thành, Nguyễn Công Toàn và Hà Thị Thu Hà, (2018). Đánh giá yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động hợp tác xã nông nghiệp tại tỉnh An Giang. *Tạp chí Khoa học Đại học Cần Thơ*, 54 (4D), 212 - 219.
5. Liên minh HTXNN tỉnh Vĩnh Long (2020). *Báo cáo tổng kết tình hình kinh tế tập thể, HTXNN và hoạt động của Liên minh HTXNN tỉnh Vĩnh Long năm 2020, Mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp năm 2021*.
6. Nguyễn Văn Đệ (2013). *Phân tích hiệu quả hoạt động Hợp tác xã tại tỉnh Trà Vinh*. Luận văn thạc sĩ khoa học. Đại học Cần Thơ.
7. Nguyễn Văn Tuấn (2013). *Thực trạng và đề ra giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã nông nghiệp ở tỉnh Bạc Liêu*. Đề tài nghiên cứu khoa học và công nghệ cấp trường.
8. Phạm Thị Mỹ Anh, (2015). *Giải pháp nâng cao năng lực quản lý của Ban điều hành hợp tác xã nông nghiệp khu vực đồng bằng sông Cửu Long*. Luận văn tốt nghiệp cao học. Trường Đại học Cần Thơ.
9. Trần Quốc Nhân, Lê Duy, Đỗ Văn Hoàng và Nguyễn Duy Cần (2012). Phân tích lợi ích do hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới mang lại cho người dân: Trường hợp nghiên cứu hợp tác xã Long Tuyền, Quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*, 22b: 283 -293.

Ngày nhận bài: 3/8/2022

Ngày phản biện đánh giá sửa chữa: 4/9/2022

Ngày chấp nhận đăng bài: 14/9/2022

Thông tin tác giả:

PGS. TS. DƯƠNG NGỌC THÀNH

Viện Nghiên cứu Phát triển ĐBSCL, Đại học Cần Thơ

ASSESSING THE SATISFACTION OF COOPERATIVE MEMBERS WITH THE OPERATION OF THEIR AGRICULTURAL COOPERATIVES IN VINH LONG PROVINCE

● Assoc. Prof. Ph.D **DUONG NGOC THANH**

Mekong Delta Development Research Institute, Can Tho University

ABSTRACT:

This study is to assess the status and satisfaction of cooperative members with the operation of their agricultural cooperatives. The study uses both secondary data and primary data collected from a survey of 250 agricultural cooperative members in Binh Tan district, Vinh Long province. By testing the suitability of the scales and doing Exploratory Factor Analysis (EFA), analytical results have been adjusted and grouped into 8 main factors. Then, these factors are also combined with member scores and analyzed in a multivariate regression model. The regression model's results show that there are 8 factors/variables affecting the general satisfaction of members with agricultural cooperatives. These factors are managers (F1), income improvement opportunities and employment (F2), member participation (F4), market advantages (F5), state support (F6), joint problem solving (F8), training participation (X3) and production experience (X5) and they have a statistically significant difference of 1%.

Keywords: agricultural cooperatives, agricultural cooperative members, Exploratory Factor Analysis (EFA), satisfaction.